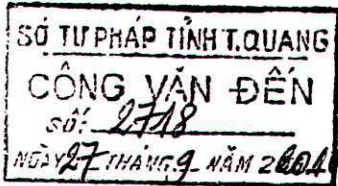


Số: 21 /2010/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 9 năm 2010



QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Quy định phân loại và phân cấp
quản lý các đơn vị dự toán cấp tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 128/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Chương trình cải cách tài chính công theo Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 975/TTr-TC ngày 07/9/2010 về việc phân loại các đơn vị dự toán và phân cấp quản lý các đơn vị dự toán cấp tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân loại và phân cấp quản lý các đơn vị dự toán cấp tỉnh của tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quy định phân loại và phân cấp quản lý các đơn vị dự toán cấp tỉnh ban hành theo Quyết định này áp dụng thực hiện từ ngày 01/01/2011.

Điều 3. Giao trách nhiệm: Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Nội vụ và các đơn vị dự toán cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai, hướng dẫn và thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các ông (Bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC; Bộ Nội vụ;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- Cục kiểm tra VBPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu QH địa phương;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Các đơn vị dự toán cấp tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu VT-NV-TH;

(Báo cáo)

(Thực hiện)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Đỗ Văn Chiến

**Quy định
Phân loại và phân cấp quản lý
các đơn vị dự toán cấp tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2010 /QĐ-UBND
ngày 22 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Tuyên Quang)*

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Các đơn vị dự toán cấp tỉnh; các Ban quản lý được thành lập để quản lý các công trình, dự án cấp tỉnh đầu tư; các Ban quản lý khu công nghiệp, khu khoáng sản, khu chế xuất cấp tỉnh quản lý trực tiếp có sử dụng các nguồn kinh phí ngân sách địa phương;

2. Các đơn vị dự toán cấp huyện có mô hình tổ chức, công tác chuyên môn do các sở, ban ngành cấp tỉnh quản lý trực tiếp, theo quy định được phân cấp quản lý các hoạt động tài chính hoặc các sở, ban ngành cấp tỉnh cấp tỉnh có khả năng quản lý các hoạt động tài chính theo Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu phân loại, phân cấp đơn vị dự toán

1. Thực hiện cải cách tài chính công theo Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010, nhằm đưa hệ thống bộ máy Tài chính cơ sở vận hành theo hệ thống khép kín.

2. Thực hiện phân công, phân cấp và ấn định thời gian hoàn thành các nhiệm vụ của ngành trong năm theo Luật NSNN; Nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của cán bộ tài chính cơ sở đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong lộ trình cải cách tài chính công.

a. Tăng cường quyền hạn và trách nhiệm trong phân bổ, phê duyệt dự toán và quyết toán ngân sách của các ngành; nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong việc sử dụng nguồn ngân sách cấp với việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;

b. Tạo điều kiện cho các ngành chủ động trong việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của ngành;

3. Thực hiện đổi mới thủ tục hành chính trong quản lý ngân sách, tăng cường kiểm soát chi qua KBNN và công khai tài chính ngân sách tại cơ sở;

4. Thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, thực hành tiết kiệm chi, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động và nguồn kinh phí Nhà nước cấp; nâng cao hiệu suất lao động, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

Điều 3. Nguyên tắc và phương án sắp xếp, phân loại đơn vị dự toán:

1. Nguyên tắc sắp xếp:

a. Bố trí, sắp xếp bộ máy kế toán và cán bộ kế toán các đơn vị dự toán ngân sách Nhà nước hoạt động theo Luật Ngân sách nhà nước và Luật kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán nhà nước;

b. Phù hợp với trình độ quản lý công tác tài chính hiện tại, nâng cao tính chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao cũng như triển khai thực hiện kịp thời các chính sách chế độ của Nhà nước;

c. Việc phân cấp tổ chức bộ máy các đơn vị kế toán phải phù hợp với quy mô và khả năng đảm nhận công tác chuyên môn về tài chính của các ngành.

2. Nguyên tắc phân loại:

a. Đơn vị dự toán cấp I:

- Là các cơ quan chuyên môn đã được sắp xếp lại theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ về việc Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ) hoặc các đơn vị hành chính không thuộc các cơ quan chuyên môn theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ nhưng chịu sự điều hành công việc trực tiếp của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, hiện đã có biên chế cán bộ làm công tác kế toán;

- Các đơn vị sự nghiệp có quy mô hoạt động về tài chính lớn, có khả năng tiến tới xã hội hoá từng phần hoặc chuyển thành các đơn vị tự đảm bảo kinh phí theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

b. Đơn vị dự toán cấp II trực thuộc đơn vị dự toán cấp I:

Là các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc sự quản lý của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ, chịu sự điều hành công việc chuyên môn trực tiếp của các sở ban, ngành cấp tỉnh;

d. Đơn vị chuyển thành các bộ phận của đơn vị dự toán cấp I:

Là các đơn vị trực thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ, chịu sự lãnh đạo trực tiếp về công tác chuyên môn của các sở, ban ngành, các đơn vị dự toán cấp II, có quy mô tổ chức và hoạt động tài chính nhỏ.

3. Phương án sắp xếp và phân loại đơn vị dự toán:

3.1. Tổng số đơn vị dự toán khi chưa sắp xếp lại	:	130
- Tổng số các đơn vị dự toán Cấp I	:	117
Trong đó: + Đơn vị dự toán cấp tỉnh	:	102
+ Đơn vị dự toán cấp huyện	:	15
- Tổng số các đơn vị dự toán Cấp II thuộc tỉnh	:	07
- Tổng số các bộ phận của đơn vị dự toán Cấp I, Cấp II	:	06
3.2. Tổng số đơn vị dự toán sau sắp xếp	:	129
- Tổng số các đơn vị dự toán Cấp I	:	49
- Tổng số các đơn vị dự toán Cấp II	:	76

Trong đó: Giữ nguyên 07 đơn vị dự toán cấp II, chuyển 54 đơn vị dự toán cấp I và 01 đơn vị bộ phận thuộc tỉnh thành đơn vị dự toán cấp II, đồng thời chuyển 14 đơn vị dự toán cấp I của cấp huyện (chuyển 05 trường Dân tộc nội trú, và 09 Hạt Kiểm lâm) thành 14 đơn vị dự toán Cấp II của tỉnh.

* Tổng số các bộ phận của đơn vị dự toán Cấp I, Cấp II : 04

(Có Phụ biểu phân loại, phân cấp quản lý các đơn vị dự toán kèm theo)

Điều 4. Nội dung phân cấp quản lý đơn vị dự toán trực thuộc:

1. Căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội mà lĩnh vực ngành, đơn vị được giao, hướng dẫn các đơn vị dự toán trực thuộc thực hiện công tác lập dự toán, chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách hàng năm theo đúng Luật Ngân sách nhà nước;

2. Tổ chức thảo luận dự toán ngân sách hàng năm với các đơn vị dự toán cấp II theo đúng hướng dẫn của Sở Tài chính. Tổng hợp dự toán kinh phí đơn vị (bao gồm cả các bộ phận trực thuộc) và các đơn vị dự toán cấp II gửi Sở Tài chính xem xét, thống nhất, tổng hợp vào dự toán ngân địa phương hàng năm báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.

3. Căn cứ kinh được cấp có thẩm quyền giao, phân bổ và giao dự toán kinh phí hàng năm cho các đơn vị dự toán cấp II theo đúng định mức phân bổ đã được HĐND tỉnh ban hành và hướng dẫn của cơ quan Tài chính;

4. Tổ chức thực hiện dự toán kinh phí đơn vị mình và thường xuyên kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí các đơn vị dự toán trực thuộc theo Luật Ngân sách nhà nước và các hướng dẫn thực hiện.

5. Thực hiện thẩm định dự toán các khoản chi nghiệp vụ không thường xuyên trước khi chi của đơn vị dự toán cấp II.

6. Hướng dẫn cơ chế khoán kinh phí theo mô hình phân cấp đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

7. Thực hiện báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đơn vị dự toán cấp mình và các đơn vị dự toán trực thuộc gửi Sở tài chính định kỳ và đột xuất theo quy định.

8. Phối hợp với cơ quan Tài chính địa phương, cơ quan Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra các đơn vị trực thuộc khi có yêu cầu.

9. Hằng quý, năm tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng Luật Ngân sách nhà nước. Tổng hợp báo cáo quyết toán chi ngân sách đơn vị dự toán cấp mình và các đơn vị dự toán trực thuộc gửi Sở Tài chính thẩm tra theo quy định.

Điều 5. Kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a. Hướng dẫn các đơn vị dự toán sau khi sắp xếp lại thực hiện công tác lập dự toán, chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước; Hướng dẫn cơ chế khoán kinh phí theo mô hình phân cấp đảm bảo hiệu quả, đúng quy định;

b. Thường xuyên kiểm tra, tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị dự toán được phân cấp trong quá trình thực hiện phân cấp;

c. Kiểm tra, hướng dẫn công tác chuyển giao, lưu giữ chứng từ sổ sách kế toán; công tác kiện toàn bộ phận kế toán của các đơn vị;

d. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị dự toán:

- Trong tháng 9 năm 2010, thực hiện hướng dẫn công tác chuyển giao, sắp xếp, lập dự toán ngân sách và quản lý ngân sách theo mô hình phân cấp quản lý các đơn vị dự toán.

- Từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2010, hướng dẫn lập và tổ chức thẩm định dự toán ngân sách 2011 theo mô hình phân cấp.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị dự toán xây dựng mô hình bộ máy kế toán phân cấp theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xong trong tháng 9 năm 2010.

b. Lập kế hoạch điều chuyển cán bộ kế toán nơi thừa sang đơn vị thiếu sau khi sắp xếp lại trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển trong tháng 10 năm 2010.

3. Các đơn vị dự toán Cấp I được phân cấp quản lý các đơn vị dự toán trực thuộc, có trách nhiệm:

a. Thành lập bộ máy kế toán đơn vị dự toán cấp I (trên cơ sở đội ngũ cán bộ kế toán hiện có của đơn vị và các đơn vị dự toán trực thuộc), có đủ năng lực quản lý theo đúng Luật Kế toán, gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định trong tháng 9 năm 2010.

b. Trong tháng 11 năm 2010, hoàn chỉnh cơ chế quản lý và điều hành ngân sách ngành, lĩnh vực theo đúng các quy định hiện hành và hướng dẫn của Sở Tài chính.

4. Thời gian thực hiện phân cấp quản lý các đơn vị dự toán cấp tỉnh theo Đề án được thực hiện từ niên độ ngân sách năm 2011.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Chiến





PHỤ BIỂU

Phân loại và phân cấp quản lý các đơn vị dự toán cấp tỉnh

(Kèm theo Quy định ban hành tại Quyết định số 21 /QP-UBND ngày 2/9/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Bộ phận trực thuộc	Số TT	Đơn vị dự toán cấp II	Cơ cấu biên chế hiện tại				Cơ cấu biên chế khi phân cấp				GHI CHÚ
				Tổng biên chế	Trong đó Quản lý NN	Sự nghiệp	Biên chế Kế toán	Tổng biên chế	Trong đó Quản lý NN	Sự nghiệp	Biên chế Kế toán	
A	B	C	D	1=2+3	2	3	4	5=6+7	6	7	8	
1	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC KHỐI ĐẢNG	7		422	337	85	13	422	337	85	13	
1	Văn phòng tỉnh uỷ			211	211	-	5	211	211	-	5	
	** Văn phòng			52	52		3	52	52		3	
		1	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	33	33			33	33			
		2	Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ	25	25			25	25			
		3	Ban Dân vận Tỉnh uỷ	18	18			18	18			
		4	Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ	25	25			25	25			
		5	Ban chăm sóc sức khoẻ	5	5			5	5			
		6	Đảng uỷ khối cơ quan Dân Chính Đảng	16	16		1	16	16		1	
			Tr.đó: Đoàn dân chính Đảng	2	2			2	2			
		7	Đảng uỷ khối Doanh nghiệp	37	37		1	37	37		1	
2	Bảo Tuyến quang			22	22		1	22	22		1	
3	Ủy ban Mặt trận tổ quốc			22	22		1	22	22		1	
4	Hội Nông dân tỉnh			20	20		1	20	20		1	
5	Tỉnh đoàn Thanh niên			27	27		1	27	27		1	
6	Tỉnh hội Phụ nữ			22	22		1	22	22		1	
7	Hội Cựu chiến binh			13	13		1	13	13		1	
8	Trường Chính trị tỉnh			60		60	1	60		60	1	
9	Trung tâm Văn hoá, Thể thao thanh thiếu nhi			25		25	1	25		25	1	

Các Ban Đảng, Văn phòng Tỉnh uỷ, Đảng uỷ khối Dân chính Đảng, Đảng uỷ khối Doanh nghiệp, hướng hệ số như đơn vị dự toán cấp I

Số TT	Bộ phận trực thuộc	Đơn vị dự toán cấp I	Số TT	Đơn vị dự toán cấp II	Cơ cấu biên chế hiện tại				Cơ cấu biên chế khi phân cấp				GHI CHÚ
					Tổng biên chế	Trong đó	Biên chế Kế toán	Tổng biên chế	Trong đó	Biên chế Kế toán			
					Quản lý NN	Sự nghiệp	Quản lý NN	Sự nghiệp	Quản lý NN	Sự nghiệp	Quản lý NN	Sự nghiệp	
A		B	C	D	1=2+3	2	3	4	5=6+7	6	7	8	
II	3	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC KHỐI NHÀ NƯỚC	68		3.266	1.225	2.041	139	3.266	1.225	2.041	142	
1		Văn phòng HĐND tỉnh			40	40		1	40	40		1	
2		Văn phòng UBND tỉnh			73	73		1	73	73		2	Dự kiến giảm 01 cán bộ hành chính tăng một cán bộ kế toán
		* Văn phòng			64	64		1	64	64		2	
		* Bộ phận trực thuộc			3	3			3	3			
1		- Trung tâm Công báo			3	3			3	3			
			1	Ban chỉ đạo phòng chống Tham nhũng	6	6			6	6			Kế toán Đơn vị cấp I kiêm
3		Sở Nội vụ			50	43	7	3	50	43	7	2	
		* Văn phòng sở			34	34		1	34	34		1	
			1	Ban Thi đua, khen thưởng	9	9		1	9	9			
			2	Trung tâm Lưu trữ	7		7	1	7		7	1	
4		Sở Công thương			45	37	8	2	45	37	8	2	
		* Văn phòng sở			37	37		1	37	37		1	
			1	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	8		8	1	8		8	1	
5		Sở Tư Pháp			41	25	16	4	41	25	16	4	
		* Văn phòng sở			25	25		1	25	25		2	
			1	Phòng Công chứng số 1	5		5	1	5		5	1	
			2	Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Nhà nước	8		8	1	8		8	1	
			3	Trung tâm Dịch vụ Bán đấu giá tài sản	3		3	1	3		3		
6		Sở Giao thông, vận tải			86	64	22	5	86	64	22	5	
		* Văn phòng sở			38	38		2	38	38		2	
			1	Thanh tra giao thông	26	26		1	26	26		1	
			2	Bến xe khách	13		13	1	13		13	1	

Số TT	Bộ phận trực thuộc	Đơn vị dự toán cấp I	Số TT	Đơn vị dự toán cấp II	Cơ cấu biên chế hiện tại				Cơ cấu biên chế khi phân cấp				GHI CHÚ	
					Tổng biên chế	Trong đó		Biên chế Kế toán	Tổng biên chế	Trong đó		Biên chế Kế toán		
					Quản lý NN	Sự nghiệp		Quản lý NN	Sự nghiệp					
A		B	C	D	1=2+3	2	3	4	5=6+7	6	7	8		
			3	Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông, vận tải	9	45	9	1	9	45	9	1		
7	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch				223	45	178	10	223	45	178	10		
	* Văn phòng số				45	45		2	45	45		2		
			1	Trung tâm Văn hoá và Triển lãm	20		20	1	20		20	1		
			2	Bảo tàng tỉnh	17		17	1	17		17	1		
			3	BQL khu Du lịch, lịch sử văn hoá và sinh thái Tân Trào	20		20	1	20		20	1		
			4	Thư viện tỉnh	12		12	1	12		12	1		
			5	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng	28		28	1	28		28	1		
			6	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh	20		20	1	20		20	1		
			7	Đoàn Nghệ thuật Dân tộc tỉnh	56		56	1	56		56	1		
8	Sở Khoa học và Công nghệ		8	Ban Quản lý khu du lịch Suối khoáng Mỹ Lâm	5		5	1	5		5	1		
	* Văn phòng số				26	26	-	2	26	26	-	2		
					20	20		1	20	20		1		
			1	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	6	6		1	6	6		1		
9	Sở Y tế				191	54	137	13	191	54	137	13		
	* Văn phòng số				28	28		3	28	28		3		
			1	Trung tâm giám định Y khoa	7		7	1	7		7	1		
			2	Chi cục Dân số - KHH gia đình	14	14		1	14	14		1		
			3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	12	12		1	12	12		1		
			4	Trung tâm Kiểm nghiệm	17		17	1	17		17	1		
			5	Trung tâm Chăm sóc sức khoẻ sinh sản	19		19	1	19		19	1		

Số TT	Bộ phận trực thuộc	Đơn vị dự toán cấp I	Số TT	Đơn vị dự toán cấp II	Cơ cấu biên chế hiện tại				Cơ cấu biên chế khi phân cấp				GHI CHÚ
					Tổng biên chế	Trong đó Quản lý NN	Sự nghiệp	Biên chế Kế toán	Tổng biên chế	Trong đó Quản lý NN	Sự nghiệp	Biên chế Kế toán	
A		B	C	D	1=2+3	2	3	4	5=6+7	6	7	8	
			6	Trung tâm truyền thông Giáo dục sức khoẻ	7		7	1	7		7	1	
			7	TT Phòng chống bệnh xã hội	36		36	1	36		36	1	
			8	Trung tâm y tế dự phòng	41		41	2	41		41	2	
			9	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	10		10	1	10		10	1	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo				204	48	156	10	204	48	156	11	
	* Văn phòng số		1	Trung tâm Giáo dục thường xuyên của tỉnh	48	48		2	48	48		3	Dự kiến giảm 01 cán bộ hành chính tăng một cán bộ kế toán
			2	Trung tâm Kỹ thuật, tổng hợp và hướng nghiệp tỉnh Tuyên Quang	25		25	1	25		25	1	
			3	Trung tâm Kỹ thuật, tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề huyện Sơn Dương	25		25	1	25		25	1	
			4	Trường Dân tộc Nội trú huyện Na Hang	16		16	1	16		16	1	
			5	Trường Dân tộc Nội trú huyện Yên Sơn	30		30	1	30		30	1	
			6	Trường Dân tộc Nội trú huyện Chiêm Hoá	15		15	1	15		15	1	
			7	Trường Dân tộc Nội trú huyện Sơn Dương	15		15	1	15		15	1	
			8	Trường Dân tộc Nội trú huyện Hàm Yên	15		15	1	15		15	1	
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư				54	41	13	2	54	41	13	2	
	* Văn phòng số				41	41		1	41	41		1	
	* Bộ phận trực thuộc				5	-	5	-	5	-	5	-	
1	- Trung tâm Xúc tiến đầu tư				5		5		5		5		

Số TT	Bộ phận trực thuộc	Đơn vị dự toán cấp I	Số TT	Đơn vị dự toán cấp II	Cơ cấu biên chế hiện tại				Cơ cấu biên chế khi phân cấp				GHI CHÚ
					Tổng biên chế	Trong đó		Biên chế Kế toán	Tổng biên chế	Trong đó		Biên chế Kế toán	
					Quản lý NN	Sự nghiệp		5=6+7	Quản lý NN	Sự nghiệp			
A		B	C	D	1=2+3	2	3	4	5=6+7	6	7	8	
			1	Ban Quản lý vùng căn cứ Cách mạng	8		8	1	8		8	1	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường				70	39	31	5	70	39	31	5	
	* Văn phòng số				31	31		1	31	31		2	
			1	Chi cục bảo vệ môi trường	4	4			4	4			
			2	Chi cục Quản lý đất đai	4	4			4	4			
			3	Trung tâm Quản trắc và Bảo vệ môi trường	8		8	1	8		8	1	Kế toán Đơn vị cấp I kiêm
			4	Trung tâm Công nghệ thông tin	8		8	1	8		8	1	
			5	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	15		15	1	15		15	1	
13	Sở Xây dựng				49	36	13	3	49	36	13	3	
	* Văn phòng số				27	27		1	27	27		1	
			1	Thanh tra Sở Xây dựng	9	9		1	9	9		1	
			2	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng	13		13	1	13		13	1	
14	Sở Nông nghiệp và PTNT				249	122	127	12	249	122	127	12	
	* Văn phòng số				45	45		1	45	45		3	
			1	Chi cục Thú y	54	14	40	1	54	14	40	1	
			2	Chi cục bảo vệ thực vật	30	12	18	1	30	12	18	1	
			3	Chi cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn	14	14		1	14	14		1	
			4	Chi cục Lâm nghiệp	15	15		1	15	15		1	
			5	Chi cục Thủy lợi	15	15		1	15	15		1	
			6	Chi cục Thủy sản	7	7		1	7	7		1	
			7	TT Giống cây trồng, vật nuôi	15		15	1	15		15	1	Kế toán Đơn vị cấp I kiêm
			8	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	9		9	1	9		9	1	
			9	Trung tâm khuyến nông	18		18	1	18		18	1	

Số TT	Bộ phận trực thuộc	Đơn vị dự toán cấp I	Số TT	Đơn vị dự toán cấp II	Cơ cấu biên chế hiện tại				Cơ cấu biên chế khi phân cấp				GHI CHÚ
					Tổng biên chế	Trong đó Quản lý NN	Sự nghiệp	Biên chế Kế toán	Tổng biên chế	Trong đó Quản lý NN	Sự nghiệp	Biên chế Kế toán	
A		B	C	D	1=2+3	2	3	4	5=6+7	6	7	8	
		Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang	10		20		20	1	20		20	1	
		Trung tâm Điều tra Quy hoạch - Thiết kế Nông lâm nghiệp	11		7		7	1	7		7		Kế toán Đơn vị cấp I kiêm
15	Chi cục Kiểm lâm				275	275	-	10	275	275	-	11	
	* Văn phòng Chi cục				41	41		1	41	41		2	
			1	HKL rừng đặc dụng Na Hang	30	30		1	30	30		1	
			2	HKL rừng đặc dụng Tân Trào	18	18		1	18	18		1	
			3	HKL khu bảo tồn thiên nhiên Cham Chu	17	17		1	17	17		1	
			4	Hạt Kiểm lâm Na Hang	40	40		1	40	40		1	
			5	Hạt Kiểm lâm Chiêm Hoá	35	35		1	35	35		1	
			6	Hạt Kiểm lâm Hàm Yên	22	22		1	22	22		1	
			7	Hạt Kiểm lâm Yên Sơn	40	40		1	40	40		1	
			8	Hạt Kiểm lâm Sơn Dương	20	20		1	20	20		1	
			9	HKL thành phố Tuyên Quang	12	12		1	12	12		1	
16	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội				61	38	23	6	61	38	23	6	
	* Văn phòng sở				38	38		4	38	38		4	
			1	Quy Bảo trợ trẻ em	2		2	-	2		2	-	Kế toán Đơn vị cấp I kiêm
			2	Tr. tâm Giới thiệu việc làm	6		6	1	6		6	1	
			3	Trung tâm Bảo trợ xã hội	15		15	1	15		15	1	
17	Sở Thông tin và Truyền thông				32	32	-	2	32	32	-	2	
	* Văn phòng sở				23	23		1	23	23		1	
			1	Trung tâm Tin học	9	9		1	9	9		1	
18	Đài Phát thanh và TH tỉnh				100		100	1	100		100	2	
19	Nhà khách tỉnh				17	-	17	2	17	-	17	2	
	- Nhà khách Kim Bình				7		7	1	7		7	1	Dự kiến xếp sếp lại thành nhà khách của tỉnh
	- Nhà khách Tân Trào				10		10	1	10		10	1	
20	Chi cục quản lý thị trường				52	52		1	52	52		1	

Số TT	Bộ phận trực thuộc	Đơn vị dự toán cấp I	Số TT	Đơn vị dự toán cấp II	Cơ cấu biên chế hiện tại				Cơ cấu biên chế khi phân cấp				GHI CHÚ
					Tổng biên chế	Trong đó		Biên chế Kế toán	Tổng biên chế	Trong đó		Biên chế Kế toán	
A		B	C	D	1=2+3	Quản lý NN	Sư nghiệp	4	5=6+7	Quản lý NN	Sư nghiệp	8	
21		Thanh tra Nhà nước			32	32		1	32	32		1	
22		Ban Dân tộc			10	10		1	10	10		1	
23		Sở Tài chính			69	69		1	69	69		1	
24		Liên minh các HTX tỉnh			9	9		1	9	9		1	
25		Bệnh viện Đa khoa T. Quang			403		403	12	403		403	12	
26		Bệnh viện Lao và bệnh Phổi			63		63	2	63		63	2	
27		Bệnh viện Y dược cổ truyền			83		83	3	83		83	3	
28		B. viện Súc Khương Mỹ lam			57		57	2	57		57	2	
29		Trung tâm Phục hồi chức năng Hương sen			30		30	1	30		30	1	
30		Trường Cao đẳng Sư phạm			144		144	3	144		144	3	
31		Trường TH Kinh tế, kỹ thuật			94		94	3	94		94	3	
32		Trường trung học Y tế			50		50	2	50		50	2	
33		Trường Trung cấp nghề			43		43	2	43		43	2	
34		Trường Dân tộc Nội trú tỉnh			52		52	1	52		52	1	
35		Trường Trung học phổ thông Chuyên			73		73	1	73		73	1	
36		Ban Quản lý Khu Du lịch sinh thái Na Hang			7		7	1	7		7	1	
37		Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Tuyên Quang			23	15	8	1	23	15	8	1	
38	1	Tr. độ: Công lý phát triển hạ tầng Trung tâm Sắt hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ			8		8		8		8		
39		Trung tâm Quy hoạch xây dựng			25		25	1	25		25	1	
40		Trung tâm Đo đạc bản đồ và Quy hoạch đất đai			35		35	1	35		35	1	
41		Ban quản lý Dự án RIDP			19		19	3	19		19	3	
50	4	TỔNG SỐ: 50	75	Tổng số: 75	3.688	1.562	2.126	152	3.688	1.562	2.126	155	